

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà
Năm báo cáo 2014

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101401706 thay đổi lần thứ 14 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2011.
- Vốn điều lệ: 131.034.260.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.034.260.000 VND
- Địa chỉ: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0435520402 fax: 0435520401
- Website: <http://www.simco.vn>
- Mã cổ phiếu: SDA

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Thành lập

Ngày 31/10/1997 thành lập theo Quyết định số 19/TCT/TCLĐ của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà với tên gọi là Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà.

Ngày 05/06/2000, thành lập trên cơ sở Trung tâm Hợp tác lao động nước ngoài Sông Đà theo Quyết định số 129 TCT/HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà với tên gọi là Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà.

❖ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Ngày 09/5/2003, theo quyết định số 627/QĐ- BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển Công ty Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà - doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà.

Ngày 21/07/2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103002544

❖ Niêm yết và trở thành công ty đại chúng

Ngày 29/11/2006, Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 49/QĐ-TTGD chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà;

Ngày 21 tháng 12 năm 2006 Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán SDA chính thức được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 18/06/2007 Công ty chính thức đổi tên thành “Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà”.

Ngày 29 tháng 06 năm 2007, Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà chính thức gửi hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Xuất khẩu lao động:

Hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty phù hợp với trình độ lao động của người Việt Nam. Từ khi thành lập tháng 6/2000 đến nay, Công ty đã đưa trên 28.000 lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn tại 16 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổng số lao động hiện Công ty đang quản lý tại nước ngoài lên tới hơn 8.000 lao động.

Hầu hết số lao động Công ty đưa đi làm việc đều đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tay nghề, ý thức chấp hành pháp luật tốt. Các hợp đồng ký kết với các đối tác nước ngoài đều được thẩm định trước khi ký kết. Nội dung hợp đồng nêu rõ các cam kết về điều kiện làm việc, thu nhập, sinh hoạt, chi phí môi giới phù hợp với quy định, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác nước ngoài nhằm xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Năm 2014 đơn vị đã đưa được 3.512 lao động đi xuất khẩu tại các thị trường, đối tượng là lao động tại các địa phương trong toàn quốc.

3.2. Kinh doanh bất động sản:

Trong năm 2014 đơn vị đang thực hiện đầu tư kinh doanh 02 dự án:

- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, với diện tích 3,6 ha. Năm 2014 Công ty đã hoàn thành giai đoạn II (quỹ đất 15% của dự án với diện tích 2.819 m²).
- Dự án đường bao Phía Tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật hai bên đường bao phía Tây thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, với quy mô 83,12 ha đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I. Công ty đã bàn giao Dự án cho UBND thành phố Hà Tĩnh đưa vào sử dụng ngày 18/12/2014.

3.3. Khai thác và chế biến khoáng sản:

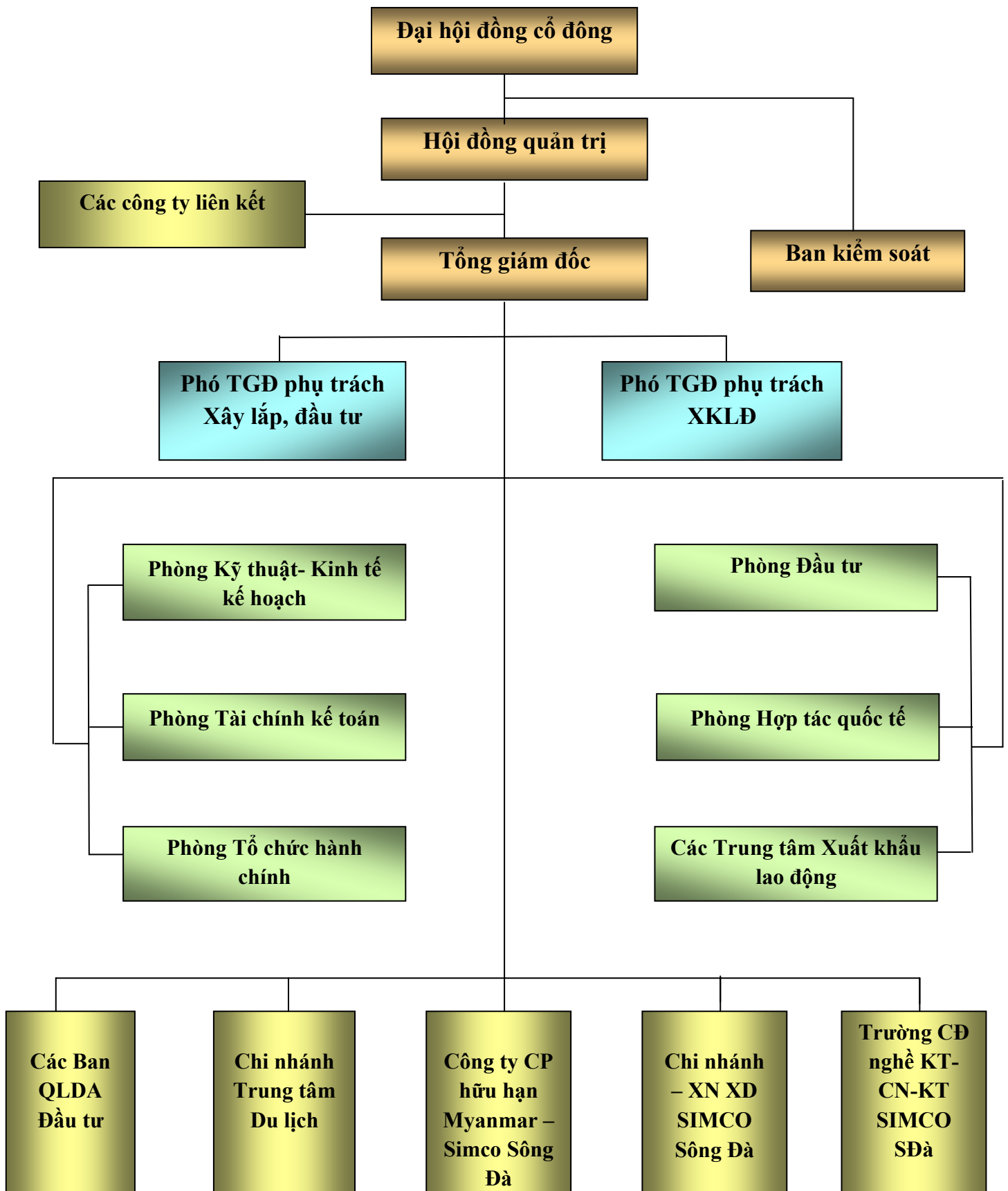
Dự án khai thác và chế biến đá marble tại mỏ Nayputaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar với tổng mức đầu tư của Dự án là 18,147 triệu USD tương đương 381 tỷ đồng.

3.4. Địa bàn kinh doanh:

Đối với ngành nghề kinh doanh bất động sản, Công ty hoạt động tại Hà Nội và Hà Tĩnh, ngành nghề khai thác và chế biến khoáng sản thực hiện tại Cộng hòa Liên bang Myanmar, hoạt động xuất khẩu lao động thực hiện trên địa bàn cả nước, hoạt động đào tạo thực hiện tại Hà Nội.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

❖ Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

- + Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- + Ban kiểm soát: 03 thành viên
- + Ban lãnh đạo Công ty: Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
- + Các phòng ban Công ty gồm: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kỹ thuật - Kinh tế - Kế hoạch; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Đầu tư; Phòng Hợp tác quốc tế; các Trung tâm Xuất khẩu lao động.
- + 02 Ban quản lý dự án: BQL dự án SIMCO Sông Đà và BQL dự án Hà Tĩnh.
- + 03 Đơn vị trực thuộc:

▪ Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế SIMCO Sông Đà

Trường là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, Trường có nhiệm vụ: Đào tạo và cấp bằng trung cấp, cao đẳng nghề cho công nhân kỹ thuật thuộc các nghề trong ngành xây dựng và một số ngành nghề theo nhu cầu; Đào tạo ngoại ngữ, giáo dục các kiến thức cần thiết và bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Địa chỉ Km số 6, đường 70, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

▪ Xí nghiệp Xây dựng SIMCO Sông Đà

Trụ sở tại Tầng 7 – Toà nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Xí nghiệp có ngành nghề kinh doanh sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng.

▪ Trung tâm Du lịch

Trụ sở tại tầng 7 – Toà nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Trung tâm có ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành trong nước và quốc tế.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

➤ Công ty con:

Đơn vị có 01 công ty con là Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar SIMCO Sông Đà (MYSICO) được thành lập tại Cộng hòa liên bang Myanmar theo giấy phép số 470/2012 do Ủy ban đầu tư Myanmar cấp ngày 12/3/2012. Địa chỉ: No. 148/7-D, Myawityee Lane, A1 Street, Mayangone Township, Yangon, Myanmar.

Loại hình đầu tư: sản xuất và kinh doanh thương mại đá Marble quy mô lớn. Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư khai thác đá tại Mỏ NayPuTaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar.

➤ Công ty liên kết:

*. Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện

Trụ sở: Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp: 56.005.000.000, đồng

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 23.970.000.000, đồng
(trong đó: Vốn uỷ thác của CBCNV Công ty: 5.750.000.000, đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; đóng chai các loại rượu.

***. Công ty CP Tự động hoá và Công nghệ thông tin Sông Đà**

Trụ sở: Tầng 5 – Toà nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp: 9.768.000.000, đồng

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 2.900.000.000, đồng (Giá trị cổ phần sở hữu là: 3.500.000.000, đồng).

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, thiết bị viễn thông, truyền thông.

***. Công ty cổ phần Thủy điện Đắk đoa**

Trụ sở: 223 Lê Duẩn, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, Gia Lai.

Vốn điều lệ thực góp: 83.065.900.000, đồng

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 27.620.000.000, đồng. (Trong đó: vốn uỷ thác của CBCNV Công ty: 1.620.000.000, đồng).

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

***. Công ty cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN**

Trụ sở: Khu công nghiệp phía Nam, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ thực góp: 26.672.000.000, đồng.

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 16.000.000.000, đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản

***. Công ty cổ phần May xuất khẩu Sông Đà**

Trụ sở: phường Tân Thịnh, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

Vốn điều lệ thực góp: 4.000.000.000, đồng

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 890.844.307, đồng. (Giá trị cổ phần sở hữu là: 836.000.000, đồng).

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các mặt hàng may mặc phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; May hàng bảo hộ lao động.

***. Công ty cổ phần Logistics Kim Thành**

Trụ sở: Khu Thương mại – Công nghiệp Kim Thành, thành phố Lào Cai, Lào Cai

Vốn điều lệ thực góp: 24.516.843.859, đồng

Vốn góp của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà: 5.766.843.859, đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

5. Định hướng phát triển

- Xây dựng công ty có cơ cấu hợp lý, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ (xuất khẩu lao động, đào tạo công nhân kỹ thuật); Đầu tư kinh doanh bất động

sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; Khai thác và chế biến khoáng sản.

- Sắp xếp cơ cấu tổ chức sản xuất, phân bổ nguồn lực hợp lý, giảm bớt đầu mối trung gian, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế. Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với các công ty con, công ty liên kết: cơ cấu lại tỷ lệ tham gia vốn góp, chỉ tham gia vào các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành kinh doanh chính của công ty.

❖ **Phương hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới**

- Quản trị doanh nghiệp:

• Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty;

• Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu đề trang bị cho Cán bộ công nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

• Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty;

• Xây dựng, thực hiện các biện pháp tiết kiệm, xây dựng cơ chế khoán cho từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận.

- Đẩy mạnh liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, thực hiện các dự án kinh doanh nhà và hạ tầng khu công nghiệp, thủy điện.

- Phân đầu duy trì mức tăng trưởng bình quân hàng năm: 15%.

- Định hướng cơ cấu ngành nghề năm 2015:

✓ Giá trị kinh doanh XKLD và đào tạo: 41,0 % Tổng giá trị SXKD;

✓ Giá trị KD đầu tư phát triển nhà, KCN: 58,0 % Tổng giá trị SXKD;

✓ Giá trị KD khác: 01,0 % Tổng giá trị SXKD;

- Định hướng cơ cấu ngành nghề đến 2020:

✓ Giá trị kinh doanh xuất khẩu lao động: 33,0 % Tổng giá trị SXKD;

✓ Giá trị KD đầu tư phát triển nhà, KCN: 23,0 % Tổng giá trị SXKD;

✓ Giá trị KD khoáng sản: 43,0 % Tổng giá trị SXKD;

✓ Giá trị KD khác: 01,0 % Tổng giá trị SXKD;

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014 của Công ty mẹ:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng giá trị thực hiện 603,70 tỷ đồng/ KH 527,97 tỷ đồng đạt 114%.

- Tổng doanh thu thực hiện 82,22 tỷ đồng/ KH 99,20 tỷ đồng đạt 83%.

- Lợi nhuận trước thuế: 4,04 tỷ đồng / KH 13,16 tỷ đồng đạt 31%.
- Lợi nhuận sau thuế: 2,83 tỷ đồng / KH 9,87 tỷ đồng đạt 29%.
- Nộp ngân sách: Thực hiện 2,62 tỷ đồng/ KH 14,82 tỷ đồng.
- Thu nhập BQ của CBCNV/người/tháng: 5,8 triệu đồng/ KH 6,0 triệu đồng đạt 97%.
- Tỷ lệ trả cổ tức: Dự kiến 0 % /Kế hoạch 5%.
- Tổng giá trị đầu tư: Thực hiện 64,87 tỷ đồng/ KH 81,327 tỷ đồng đạt 80%.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành:

- Ông Nguyễn Thiện Mỹ - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc
 - Ngày sinh: 23/08/1959
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà.
- Ông Nguyễn Ngọc Thạch - Phó Tổng Giám đốc
 - Ngày sinh: 23/02/1976
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học.
 - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà
- Ông: Nguyễn Trọng Đạt - Phó Tổng Giám đốc
 - Ngày sinh: 09/10/1969
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tính đến ngày 31/12/2014 tổng số CBCNV của Công ty là 238 người. Trong đó:
 - + Lao động có trình độ từ Đại học trở lên: 194
 - + Lao động có trình độ cao đẳng: 4
 - + Lao động có trình độ trung cấp: 11
 - + Công nhân kỹ thuật: 15
 - + Lao động phổ thông: 14
- Thu nhập bình quân CBCNV năm 2014: 5,8 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Chính sách đào tạo: Công ty cử CBCNV đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có tính chuyên nghiệp cao.
- Chế độ khen thưởng:
 - + Thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
 - + Thưởng cho CBCNV trong các dịp lễ, tết.
- Chế độ khác: Tổ chức chính quyền thường xuyên phối hợp với Công đoàn thực hiện các chế độ phúc lợi khác như trợ cấp khó khăn, chế độ cho lao động nữ, tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, xét tặng tiền thưởng cho con CBCNV có thành tích cao trong học tập...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Đầu tư các dự án trong nước: 12,34 tỷ đồng/15,49 tỷ đồng đạt 80%

- Dự án đầu tư quỹ đất 15% tại dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc: thực hiện 9,27 tỷ đồng/KH 9,87 tỷ đồng đạt 93,9%
- Dự án đường Bao phía Tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường Bao phía Tây, Hà Tĩnh: thực hiện 3,07 tỷ đồng/KH 3,28 tỷ đồng.
- Dự án Toà nhà SIMCO TOWER, cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội thực hiện 0 tỷ đồng/KH 0,1 tỷ đồng. Công ty đang bám sát việc quy hoạch chi tiết phân khu của Thành phố Hà Nội để có kế hoạch triển khai phù hợp, với mục tiêu phải đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Dự án liên danh kinh doanh xây dựng lại khu tập thể văn phòng TW quận Ba Đình, Hà Nội đang thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Dự kiến khởi công Dự án vào quý 3/2015.
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín, Hà Nội thực hiện 0 tỷ đồng/KH 0,1 tỷ đồng. Công ty đang phối hợp với Viện Quy hoạch trong công tác khớp nối Dự án với Quy hoạch phân khu chung của huyện Thường Tín, Hà Nội.
- Đầu tư vào các công ty liên kết thực hiện 0 tỷ đồng/KH 0,483 tỷ đồng. Trong năm 2014 Công ty tiếp tục rà soát đánh giá hiệu quả của các Dự án nên tạm dừng đầu tư vào các Công ty liên kết.

- Đầu tư nâng cao năng lực SXKD của Công ty thực hiện 0 tỷ đồng/KH 1,5 tỷ đồng

Đầu tư dự án nước ngoài khai thác, chế biến đá Marble tại Myanmar thực hiện 52,52 tỷ đồng/KH 65,83 tỷ đồng

Tổng mức đầu tư của Dự án là 18,147 triệu USD tương đương 381 tỷ đồng, năm 2014 thực hiện đầu tư 52,52 tỷ đồng/KH 65,83 tỷ đồng đạt 80%. Tính đến 31/12/2014 Công ty đã thực hiện đầu tư 88,342 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính (số liệu báo cáo tài chính hợp nhất)

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	334.888.221.288	365.967.879.389	+ 9%
Doanh thu thuần	98.133.708.702	82.224.522.733	- 16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.969.525.704	-1.176.992.640	
Lợi nhuận khác	209.050.177	5.096.234.741	
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh	-5.761.984.019	4.978.370.982	
Lợi nhuận trước thuế	7.416.591.862	8.897.613.083	
Lợi nhuận sau thuế	3.590.592.849	7.681.241.084	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,8	2,4	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,53	0,97	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	41,2%	47,9%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	70,2%	92%	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0,54	0,54	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,22	

c) **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 23/03/2015**

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông trong nước	2.167	12.992.085	129.920.850.000	99,15%
a. Pháp nhân	35	6.827.398	68.273.980.000	52,10%
b. Cá nhân	2.132	6.164.687	61.646.870.000	47,05%
2. Cổ đông nước ngoài	50	111.341	1.113.410.000	0,85%
a. Pháp nhân	2	33.244	332.440.000	0,25%
b. Cá nhân	48	78.097	780.970.000	0,60%
Tổng cộng	2.217	13.103.426	131.034.260.000	100%

d) **Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

Tên	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu	Ngành nghề
Tổng công ty Sông Đà	Toà nhà HH4 Songda Building - Mỹ Đình - Từ Liêm, Hà Nội	6.683.040	51%	Xây dựng

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Về lĩnh vực xuất khẩu lao động:

Hoạt động XKLD luôn được xác định là lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn của Công ty, tuy gặp những khó khăn nhất định về thị trường tiếp nhận và chất lượng

nguồn lao động tại một số thị trường chưa ổn định, nhưng với bề dày kinh nghiệm và chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên làm công tác XKLD ngày càng chuyên nghiệp, Công ty đã tập trung chỉ đạo, cải tiến mô hình quản lý, tăng cường công tác thị trường, chất lượng nguồn lao động, nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống. Năm 2014 Công ty đã đưa được 3.512 lao động/KH 2.100 lao động, đạt 167%, là đơn vị đứng trong top 5 dẫn đầu cả nước về số lượng lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài; tính đến ngày 31/12/2014 số lao động đang làm việc tại nước ngoài do Công ty quản lý là trên 8.000 người tại các quốc gia.

b) Về lĩnh vực đào tạo:

Năm 2014, Nhà trường đã thực hiện đào tạo với số lượng 881 học viên quy đổi với doanh thu 4,26 tỷ đồng/ KH 6,29 tỷ đồng, đạt 68%; bao gồm đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề, đào tạo ngắn hạn và đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc ở nước ngoài. Hoạt động đào tạo so với năm 2013 đã có chuyển biến trong công tác tổ chức, quản lý chi phí nhưng vẫn chưa bù đắp đủ chi phí. Do vậy, năm 2014 có số lỗ là 287 triệu đồng (năm 2013 lỗ 1,01 tỷ đồng).

Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch do hoạt động đào tạo phải cạnh tranh với nhiều trường khác trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh thành; bên cạnh đó công tác quản lý, tuyển sinh, chất lượng đào tạo Nhà trường còn hạn chế.

c) Về lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng: Doanh thu thực hiện 36,65 tỷ đồng/KH 46,74 tỷ đồng, đạt 78%.

Trong đó:

+ Dự án quỹ đất 15% thực hiện 35,73 tỷ đồng /KH 26,46 tỷ đồng đạt 135%

+ Dự án Hà Tĩnh thực hiện 0,925 tỷ/KH 20,28 tỷ đồng đạt 4,5%. Nguyên nhân do công tác thanh quyết toán vốn đầu tư với tỉnh Hà Tĩnh không hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Hiện nay, dự án đã hoàn thành công tác nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng cho UBND thành phố Hà Tĩnh quản trong năm 2014.

d) Về lĩnh vực thi công xây lắp:

Doanh thu thực hiện 2,54 tỷ đồng/KH 21,18 tỷ đồng, đạt 12%.

Nguyên nhân: Dự án đường bao phía Tây, kết cấu hạ tầng đô thị hai bên đường bao phía Tây, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh không hoàn thành theo tiến độ; tại các công trình khác do công tác tiếp thị, đấu thầu chưa tốt, thị trường bất động sản trầm lắng nên không hoàn thành kế hoạch xây lắp như đã đề ra.

2.2. Về công tác đầu tư:

Năm 2014, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, việc tiếp cận các nguồn vốn vay cũng gặp khó khăn nên ảnh hưởng đến việc triển khai nhiều dự án, công trình đầu tư. Tổng giá trị đầu tư: Thực hiện 64,87 tỷ đồng/KHN 81,32 tỷ đồng, đạt 80%; Trong đó:

2.2.1. Đầu tư trong nước: Thực hiện 12,34 tỷ đồng/KHN 15,49 tỷ đồng, đạt 80%.

2.2.2. Đầu tư ra nước ngoài: Thực hiện đầu tư 52,52 tỷ đồng/KHN 65,83 tỷ đồng đạt 80%.

Dự án khai thác và chế biến đá Marble tại mỏ Nayputaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình: San nền khu phụ trợ, xây dựng nhà ở cho CBCNV, xây dựng nhà làm việc, nhà kho vật tư, bể nước phục vụ khai thác đá và nước sinh hoạt, hệ thống cấp nước sản xuất, sinh hoạt, hệ

thống cấp điện sản xuất, sinh hoạt và đường vào khu mỏ đá. Hoàn thành công việc san gạt, tạo 02 khai trường khai thác.

- Đã hoàn thành đầu tư đồng bộ máy móc, thiết bị phụ trợ và 01 dây chuyền khai thác đá block. Công ty đang tiếp tục đầu tư thêm 03 dây chuyền khai thác đá block và máy móc thiết bị chế biến đá ốp lát cho xưởng chế biến tại mỏ và cho nhà máy chế biến đá ốp lát tại Yangon.

- Sản lượng khai thác đá block bình quân trong năm 2014 đạt 250 m³/tháng.

- Hiện Công ty đã, đang xúc tiến công tác bán hàng với các đối tác tại Italia, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam và ngay tại Myanmar. Trong năm 2014 Công ty đã xuất khẩu về Việt Nam được 12 containe với trên 100 m³ đá block

2.3. Công tác khác:

- Thực hiện cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo thu nhập ổn định cho CBCNV, tổ chức thường xuyên các buổi sinh hoạt tập thể, kỷ niệm các ngày lễ, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng quý cho CBCNV.

- Khen thưởng, khuyến khích động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD.

- Duy trì tốt việc tổ chức bữa ăn ca cho CBCNV Công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản: Trong năm 2014 Công ty chú trọng việc sử dụng có hiệu quả tài sản. Nợ phải thu xấu không có.

2.2 Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2014 là 175.327.749.063 đồng. Trong đó các khoản nợ quá hạn là 4.962.868.343 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đã xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, hoàn thiện việc ban hành các văn bản quản trị doanh nghiệp;

- Thực hiện việc tăng cường công tác quản lý nhân sự, phương tiện thi công, tài chính, kỹ thuật, quản lý máy...;

- Tổ chức tốt công tác tiếp thị, tìm kiếm thị trường XKLD mới có nhiều tiềm năng;

- Đã thực hiện việc tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong SXKD.

- Thường xuyên tổ chức việc đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp về công tác chuyên môn, nghiệp vụ quản lý;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn tới là tái cơ cấu doanh nghiệp, hướng đến sự phát triển bền vững, tạo tiền đề cho sự gia tăng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và các năm tiếp theo, đồng thời vẫn phải đảm bảo đạt chỉ tiêu lợi nhuận ở mức trung bình so với các ngành nghề kinh tế quốc dân. Mục tiêu đối với từng ngành nghề cụ thể như sau:

- Hoạt động xuất khẩu lao động: Duy trì và phát triển hoạt động xuất khẩu lao động luôn đứng trong top 5 trong các doanh nghiệp xuất khẩu lao động Việt Nam. Tập trung vào các thị trường truyền thống, bao gồm Đông Bắc Á, Trung Đông. Nghiên cứu đầu tư phát triển một số thị trường mới với yêu cầu phải phù hợp với trình độ và các yếu tố liên quan khác đối với lao động Việt Nam.

- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Tập trung vào mảng phát triển nhà ở đơn lẻ, cải tạo chung cư cũ phù hợp với khả năng tài chính của công ty. Phát huy lợi thế trong quan hệ với đối tác nước ngoài, nghiên cứu các hình thức hợp tác đầu tư đối với các dự án quy mô lớn, tận dụng tiềm lực tài chính của đối tác.
- Khai thác và chế biến khoáng sản: Tập trung vào khai thác mỏ đá marble của công ty tại Myanmar và xuất khẩu sang các thị trường Trung Đông, Châu Âu.
- Hoạt động khác: Duy trì hoạt động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả các ngành nghề liên quan. Đối với hoạt động đào tạo, xây dựng kế hoạch mở rộng liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài trong việc đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội và cung cấp lao động có tay nghề cho thị trường ngoài nước. Về hoạt động tư vấn du học: phối hợp cùng với xuất khẩu lao động và Trường Cao đẳng nghề để tận dụng lợi thế của hệ thống, tập trung vào hình thức du học tự túc tại khu vực Đông Bắc Á, Singapore và Cộng hòa Liên bang Nga, phù hợp với khả năng của du học sinh Việt Nam;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Đối với Báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất:

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 khoản ủy thác đầu qua Tổng Công ty Sông Đà vào Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà với giá trị đầu tư là 1,1 tỷ đồng, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do đến thời điểm kiểm toán Công ty vẫn không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động SXKD của đơn vị bao gồm một số lĩnh vực chính: Xuất khẩu lao động, đào tạo, kinh doanh nhà và hạ tầng, thi công xây lắp; Khai thác và chế biến khoáng sản. Trong năm 2014, với sự nỗ lực của tập thể CBCNV, Công ty đã khắc phục được khó khăn, cơ bản đã hoàn thành kế hoạch đề ra trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước.

Về hoạt động xuất khẩu lao động Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch đề ra và là một trong năm đơn vị đứng đầu cả nước về số lượng lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài trong năm 2014.

Về công tác đào tạo, Nhà trường đã thực hiện cơ bản hoàn thành kế hoạch năm. Năm 2014 Nhà trường đã có chuyển biến tích cực so với năm 2013 đã giảm lỗ từ 1,01 tỷ năm 2013 xuống còn 0,28 tỷ đồng năm 2014. Nhà trường cần đẩy mạnh công tác tuyển sinh, thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với các tổ chức, cơ sở đào tạo để đảm bảo hiệu quả.

Về kinh doanh nhà và hạ tầng đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Riêng Dự án đường bao phía Tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía Tây, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã không hoàn thành được kế hoạch.

1.2 Hoạt động đầu tư:

Năm 2014, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế, chính sách siết chặt tín dụng của Chính phủ nên ảnh hưởng đến việc triển khai nhiều dự án, công trình đầu tư.

1.3 Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo công ty thực hiện đề án tái cấu trúc doanh nghiệp giai đoạn 2013 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trên cơ sở Quyết định số 50/QĐ-BXD ngày 15/01/2013 của Bộ Xây dựng về việc: “Phê duyệt Đề án tái cấu trúc Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến 2020”. Căn cứ đề án tái cấu trúc, việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết đã tạm dừng để rà soát lại hiệu quả các khoản đầu tư.

Kết luận: Một số chỉ tiêu thực hiện chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và đầu tư do Dự án Hà Tĩnh không quyết toán chi phí đầu tư, phân chia lợi nhuận với Tỉnh Hà Tĩnh theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, do bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn, thị trường bất động sản đóng băng, Doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn, những diễn biến đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt là những hoạt động liên quan trực tiếp như hoạt động kinh doanh bất động sản, đầu tư trong và ngoài nước.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành hoàn thiện các nội quy, quy chế quản trị nội bộ, quản lý tài chính và quy chế Công ty nhằm tiết kiệm chi phí không cần thiết để gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

• **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trên cơ sở Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2014, Hội đồng quản trị đánh giá: Tổng giám đốc Công ty và bộ máy quản lý đã cơ bản thực hiện được các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã nỗ lực khắc phục khó khăn để thực hiện kế hoạch nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.
- Có các giải pháp tích cực, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các trung tâm XKLD phát huy tính chủ động và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động Xuất khẩu lao động nên đã hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Thực sự chủ động trong công tác quản lý, điều hành; chủ động tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là giải quyết tốt công tác bán hàng của Dự án quỹ đất 15% khu đô thị mới Vạn Phúc.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập của CBCNV.
- Đảm bảo, duy trì được hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn.

• **Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Hoàn thiện các qui chế quản lý, quản trị nội bộ Doanh nghiệp;
- Tăng cường và chuyên nghiệp hóa các công tác quản lý tại Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Chỉ đạo nghiên cứu phương án đầu tư tại Dự án khu công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín, Hà Nội.
- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư tại Dự án đường bao phía Tây và kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía Tây thành phố Hà Tĩnh hoàn thành trong quý 3/2015.

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp với đối tác hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư để có thể khởi công Dự án liên danh kinh doanh lô đất tại khu tập thể văn phòng TW từ quý 3/2015.
- Tập trung chỉ đạo quyết toán Dự án quỹ đất 15% hoàn thành trong quý 2/2015.
- Tập trung quyết liệt đẩy nhanh tiến độ trong công tác triển khai thực hiện Dự án khai thác chế biến đá Marble tại Myanmar:
 - + Hoàn thành xây dựng lắp đặt máy móc, thiết bị của nhà máy chế biến đá ốp lát tại Yangon trong quý 2/2015.
 - + Nâng cấp 3,2 km đường từ mỏ nối với quốc lộ, đẩy mạnh sản xuất khai thác đá block phục vụ xuất khẩu từ quý 2/2015.
- Tập trung chỉ đạo công tác tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2015.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT: Gồm 05 người, gồm có 01 chủ tịch và 04 thành viên, trong đó có 01 hoạt động chuyên trách, 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm điều hành.

- Ông Chu Minh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 16/02/1959
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ quản trị kinh doanh.
- Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 28/11/1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh.
- Ông Nguyễn Thiện Mỹ – Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 23/8/1959
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Bà Đặng Thị Thường – Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 27/07/1958
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ông Hà Quang Nhân – Thành viên HĐQT
Ngày sinh: 02/02/1958
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

b) Hoạt động của HĐQT năm 2014:

Trong năm 2014 Hội đồng quản trị tổ chức 05 phiên họp, đã ban hành tổng số 48 nghị quyết, quyết định và văn bản liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cơ sở để Ban Tổng giám đốc điều hành tổ chức thực hiện, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế quản trị của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trước khi ban hành đều thông qua ý kiến của tập thể, thể hiện tính pháp lý của HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, thay mặt cổ đông để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng với Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

Ngoài ra các buổi giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tham dự của Chủ tịch HĐQT, do vậy Hội đồng quản trị,

Ban Tổng giám đốc cũng như cán bộ quản lý thường xuyên được cập nhật thông tin, nắm bắt sát sao tình hình hoạt động SXKD của Công ty để giải quyết, xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD tại các doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn góp của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tại doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Ban Kiểm soát:

- a) **Thành viên Ban kiểm soát:** Gồm 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên
- Ông Chu Tuấn Anh - Trưởng Ban Kiểm soát
Ngày sinh: 29/03/1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - Ông Hà Hồng Ninh - thành viên Ban Kiểm soát
Ngày sinh: 13/6/1952
Trình độ chuyên môn: Trung cấp tiền lương
 - Ông Võ Kim Sơn - thành viên Ban Kiểm soát
Ngày sinh: 30/4/1956
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, thực hiện chức năng kiểm tra giám sát quá trình hoạt động của công ty, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tập trung vào những nội dung trọng tâm như: Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính năm; Đánh giá tình hình hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc, tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc điều hành, tham gia ý kiến xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thù lao của HĐQT năm 2014: 403.200.000, đồng.
- Thù lao của Ban kiểm soát năm 2014: 172.800.000, đồng

4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát: Trong năm 2014 có cổ đông Người có liên quan là Bà Ngô Thị Hòa là vợ Phó Tổng giám đốc Công ty Nguyễn Ngọc Thạch đăng ký giao dịch bán 3.000 cổ phiếu.

VI. Báo cáo tài chính Hợp nhất

(Báo cáo tài chính tổng hợp được đăng tải trên website của Công ty: www.simco.vn)

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty



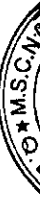
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thiện Mỹ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
SIMCO SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	16 - 48



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 010401706 ngày 21 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi tên Công ty, trụ sở hoạt động và vốn điều lệ.

Vốn điều lệ

131.034.260.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04 3 5520402

Fax : 04 3 552 0401

Mã số thuế : 0101401706

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Số 16, đường Hằng Chi, thành phố Hà Tĩnh
Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Xí nghiệp xây dựng Simco Sông Đà	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà – Trung tâm du lịch	Tòa nhà Simco Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Các công ty con

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Số 99A/2.2, đường Thanlwin, quận Kamayut, khu Yangon	Khai thác khoáng sản	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Đầu tư các công trình Thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế	29,19%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Lô CN -B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu	42,8%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan	Khu công nghiệp phía Nam, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá	45 %
Công ty Cổ phần Logictics Kim Thành	Số 62 Lê Quý Đôn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	40%
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 05, tòa nhà Simco, khu đô thị Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn thiết kế trong lĩnh vực Công nghệ thông tin	35%
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc	20,97%

Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; Kinh doanh dịch vụ xử hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động; Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản;
- Thiết kế thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm Công ty con đang trong giai đoạn đầu tư nhà máy sản xuất đá Marble quy mô lớn tại Mò Nay Pu Taungm, thị trấn Taunggok, quận Thandwe, bang Rakhine, Myanmar.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 9 đến trang 48).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Bà Đặng Thị Thường	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	11 tháng 7 năm 2014
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	13 tháng 4 năm 2012	
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên	18 tháng 4 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Tuấn Anh	Trưởng ban	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Võ Kim Sơn	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên	18 tháng 04 năm 2013 Bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ (2013- 2018)	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	11 tháng 7 năm 2014
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23 tháng 5 năm 2013	11 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2012	
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng giám đốc	6 tháng 8 năm 2009	11 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng giám đốc	21 tháng 2 năm 2011	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thiện Mỹ

Ngày 26 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 203/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2014, từ trang 09 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tình hình tài chính và ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà do không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.568.743.994	159.394.659.293
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.484.473.360	6.041.355.111
1. Tiền	111		8.484.473.360	6.041.355.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.485.230.611	10.536.309.544
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8.485.230.611	10.536.309.544
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.125.581.671	18.716.308.175
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	5.278.725.289	6.015.972.046
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	20.717.730.498	5.519.011.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	11.091.994.227	11.748.922.278
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.962.868.343)	(4.567.597.499)
IV. Hàng tồn kho	140		88.709.009.562	110.955.245.126
1. Hàng tồn kho	141	V.7	88.709.009.562	110.955.245.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.764.448.790	13.145.441.337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	197.263.757	54.455.738
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		226.161.417	337.813.905
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		457.571	457.571
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	11.340.566.045	12.752.714.123

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		216.399.135.395	175.493.561.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		129.819.082.149	84.624.010.179
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	44.380.519.350	46.452.672.720
<i>Nguyên giá</i>	222		62.062.669.427	62.117.205.791
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.682.150.077)	(15.664.533.071)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		282.160.000	282.160.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(282.160.000)	(282.160.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	85.438.562.799	38.171.337.459
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		77.925.813.663	82.805.296.712
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	65.067.469.955	62.155.185.445
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	20.745.000.000	21.504.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(7.886.656.292)	(853.888.733)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.654.239.583	8.064.255.104
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	710.677.193	1.320.217.868
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	287.041.736
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	7.943.562.390	6.456.995.500
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		365.967.879.389	334.888.221.288

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		175.327.749.063	138.073.951.051
I. Nợ ngắn hạn	310		62.692.115.785	90.794.108.443
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	14.881.088.200	5.160.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	6.301.277.916	6.850.071.740
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	5.411.899.273	23.430.440.263
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	873.091.552	9.754.827.866
5. Phải trả người lao động	315		3.656.347.478	4.422.877.118
6. Chi phí phải trả	316	V.23	1.643.875.256	709.505.398
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	29.674.129.538	40.466.386.058
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	250.406.572	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		112.635.633.278	47.279.842.608
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	55.745.031.414	2.619.153.519
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	40.389.390.433	20.278.574.699
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	16.501.211.431	24.382.114.390
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.640.130.326	196.814.270.237
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	190.616.650.083	196.828.409.330
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.034.260.000	131.034.260.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.682.000)	(1.682.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.776.369.556	40.333.287
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.892.305.811	31.760.058.963
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.011.857.996	13.011.857.996
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.903.538.720	20.983.581.084
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		23.480.243	(14.139.093)
1. Nguồn kinh phí	432	V.30	180.000	(91.430.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.31	23.300.243	77.290.907
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		365.967.879.389	334.888.221.288

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		193.520,90	22.913,67
Yên Nhật (¥)		4.151.988	7.551.988
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75.243.128.074	95.637.060.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		344.526.390	399.187.458
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.898.601.684	95.237.873.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.618.493.538	69.939.895.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.280.108.146	25.297.978.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	935.140.412	2.661.785.035
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.245.351.648	2.434.845.011
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.115.543.769	2.461.890.183
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	13.146.889.550	12.555.392.368
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.176.992.640)	12.969.525.704
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.390.780.637	234.050.177
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.294.545.896	25.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		5.096.234.741	209.050.177
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		4.978.370.982	(5.761.984.019)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.897.613.083	7.416.591.862
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.216.371.999	2.255.265.627
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.681.241.084</u>	<u>5.161.326.235</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.681.241.084	5.161.326.235
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>586</u>	<u>394</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Đà Giang

Phạm Thị Hiếu

Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.897.613.083	7.416.591.862
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.072.153.370	2.669.637.567
- Các khoản dự phòng	03	8.231.120.844	7.607.138.319
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	90.375.291
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(424.665.969)	(2.477.528.788)
- Chi phí lãi vay	06	2.115.543.769	2.461.890.183
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.891.765.097	17.768.104.434
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.140.827.038)	(2.753.428.778)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.246.235.564	38.393.437.326
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7.800.550.922)	(39.639.893.882)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	466.732.656	627.798.060
- Tiền lãi vay đã trả	13	(433.269.691)	(637.055.076)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.465.191.293)	(1.840.672.109)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.042.722.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(681.321.398)	(6.234.259.113)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.126.294.975	5.684.030.862
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(47.267.225.340)	(16.959.298.299)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.598.203.933	7.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.289.370.981)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	920.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	541.583.528	901.289.575
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.896.808.860)	(8.658.008.724)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.102.342.434		7.120.741.300
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.888.710.300)		(10.060.015.516)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		28.213.632.134		(2.939.274.216)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.443.118.249		(5.913.252.078)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.041.355.111		12.044.982.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		(90.375.291)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.484.473.360		6.041.355.111

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu



Lập ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thiện Mỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, xây lắp.
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xuất khẩu lao động
 - Giáo dục đào tạo
 - Kinh doanh bất động sản
 - Kinh doanh thương mại
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 276 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 318 nhân viên).
- Tổng số các công ty con** : 01.
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Số 99A/2.2, đường Thanlwin, quận Kamayut, khu Yangon	100%	100%

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	31,3%	27,48%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan	Khu công nghiệp phía Nam, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	59,99%	45%
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Tầng 05, tòa nhà Simco, khu đô thị Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.	35,83%	35%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Số 62 Lê Quý Đôn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	26,94%	26,94%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty</i>
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	20,97%	20,97%
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển ^(*)	Lô CN -B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.	32,53%	42,8%

^(*)Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển được hợp nhất từ báo cáo tài chính năm 2013 do năm 2014 đã dừng hoạt động.

8. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH Simco Sông Đà	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Thanh lý khoản đầu tư trong năm tài chính

9. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm Công ty con đang trong giai đoạn đầu tư nhà máy sản xuất đá Marble quy mô lớn tại Mỏ Nay Pu Taung, thị trấn Taunggok, quận Thandwe, bang Rakhine, Myanmar..

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con, công ty liên kết khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì báo cáo tài chính của công ty con phải có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	8

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được trích lập 100% trên giá gốc của khoản đầu tư theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển Quyết định tạm dừng hoạt động sản xuất của Công ty.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
200,14 VND/JPY
31/12/2014 : 21.375 VND/USD
178,17 VND/JPY

Báo cáo tài chính của công ty con đang sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính để chuyển đổi Báo cáo tài chính từ USD về VND là : 21.246 VND/USD.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.342.255.321	2.100.484.440
Tiền gửi ngân hàng	3.142.218.039	3.366.624.271
Tiền đang chuyển	-	574.246.400
Cộng	<u>8.484.473.360</u>	<u>6.041.355.111</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Các khoản cho vay ngắn hạn		8.485.230.611		10.536.309.544
<i>Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa vay</i>		-		2.598.203.933
<i>Cho Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN</i>		400.000.000		-
<i>Cho Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện vay</i>		8.085.230.611		7.938.105.611
Cộng		<u>8.485.230.611</u>		<u>10.536.309.544</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ	1.105.430.298	1.056.332.225
Phải thu các khách hàng khác	3.125.606.948	4.471.814.499
Phải thu các khách hàng về Xây lắp	1.047.688.043	487.825.322
Cộng	<u>5.278.725.289</u>	<u>6.015.972.046</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán cho dự án Hà Tĩnh	4.935.370.450	5.188.146.850
Trả trước cho người bán dự án Phụng Hiệp	300.000.000	300.000.000
Trả trước dự án tại Myanmar	14.892.260.048	
Các khoản trả trước khác	590.100.000	30.864.500
Cộng	<u>20.717.730.498</u>	<u>5.519.011.350</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	8.500.000.000
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án Myanmar		1.500.000.000
Phải thu khác	2.591.994.227	1.748.922.278
Cộng	<u>11.091.994.227</u>	<u>11.748.922.278</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.845.117.688	1.449.846.844
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.117.750.655	3.117.750.655
Cộng	<u>4.962.868.343</u>	<u>4.567.597.499</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.567.597.499	3.945.956.655
Trích lập dự phòng bổ sung	395.270.844	679.870.844
Xử lý nợ phải thu	-	(58.230.000)
Số cuối năm	<u>4.962.868.343</u>	<u>4.567.597.499</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	35.288.303	46.561.560
Công cụ, dụng cụ	23.609.009	28.093.472
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	88.650.112.250	110.880.590.094
Cộng	<u>88.709.009.562</u>	<u>110.955.245.126</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	48.077.465	28.745.701
Chi phí bảo hiểm	20.768.064	18.751.401
Chi phí sửa chữa	37.918.228	6.958.636
Tiền thuê nhà	90.500.000	
Cộng	<u>197.263.757</u>	<u>54.455.738</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng của Cán bộ nhân viên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.150.327.605	1.459.885.727	3.844.390.592	356.775.867	305.826.000	62.117.205.791
Giảm do thanh lý	-	-	-	(54.536.364)	-	(54.536.364)
Số cuối năm	56.150.327.605	1.459.885.727	3.844.390.592	302.239.503	305.826.000	62.062.669.427
Trong đó						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.038.508.053	1.188.760.227	2.985.608.956	302.239.503	-	5.515.116.739
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.728.449.150	1.273.629.304	3.226.036.550	356.775.867	79.642.200	15.664.533.071
Khấu hao trong năm	1.820.415.723	108.207.135	105.302.256	-	38.228.256	2.072.153.370
Giảm do thanh lý	-	-	-	(54.536.364)	-	(54.536.364)
Số cuối năm	12.548.864.873	1.381.836.439	3.331.338.806	302.239.503	117.870.456	17.682.150.077
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	45.421.878.455	186.256.423	618.354.042	-	226.183.800	46.452.672.720
Số cuối năm	43.601.462.732	78.049.288	513.051.786	-	187.955.544	44.380.519.350

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Tăng do khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Dự án Phụng Hiệp	2.309.020.651			2.309.020.651
Chi phí đầu tư khai thác mỏ Myanmar (GĐ2)	35.817.403.717	53.731.640.298	6.464.414.958	83.084.629.057
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng (Silica)	44.913.091			44.913.091
Cộng	38.171.337.459	53.731.640.298	6.464.414.958	85.438.562.799

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	2.600.000	33.327.965.188	2.762.000	29.447.109.589
Công ty Cổ phần Rượu VN Thủy Điện	2.397.000	5.750.000.000	2.397.000	5.750.000.000
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	1.600.000	16.089.707.666	1.600.000	16.093.908.867
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	576.684	5.413.815.548	576.684	5.440.882.658

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần CNTT Sông Đà	350.000	3.513.493.624	350.000	3.511.806.717
Công ty TNHH SIMCO Sông Đà				1.150.000.000
Công ty Cổ phần XK may Sông Đà	83.860	972.487.929	83.860	761.477.614
Cộng		65.067.469.955		62.155.185.445

	Giá gốc khoản đầu tư đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ lũy kế	Giảm do thu hồi ủy thác đầu tư	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	29.447.109.589	4.796.942.071	703.913.528	(1.620.000.000)	33.327.965.188
Công ty Cổ phần Rượu VN Thủy Điện	5.750.000.000				5.750.000.000
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO FANSIPAN	16.093.908.867	(4.201.201)			16.089.707.666
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	5.440.882.658	(27.067.110)			5.413.815.548
Công ty Cổ phần CNTT Sông Đà	3.511.806.717	1.686.907			3.513.493.624
Công ty Cổ phần XK may Sông Đà	761.477.614	211.010.315			972.487.929
Công ty TNHH SIMCO Sông Đà	1.150.000.000			(1.150.000.000)	-
Cộng	62.155.185.445	4.978.370.982	703.913.528	(2.770.000.000)	65.067.469.955

Tăng khác do Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty Liên kết tăng làm giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn cam kết góp	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	27,48%	31,30%	31,30%	26.000.000.000
Vốn góp của Công ty	27,48%	31,30%	31,30%	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	42,80%	42,80%	32,53%	23.970.000.000
Vốn góp của Công ty	32,53%	32,53%		18.220.000.000
Vốn nhận ủy thác của CBCNV(*)	10,27%	10,27%		5.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN	45%	59,99%	59,99%	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	40%	23,52%	23,52%	5.766.843.859
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	35%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
Cộng				75.527.688.166

(*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Tập đoàn được ủy thác để góp vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		13.745.000.000		13.745.000.000
<i>Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà</i>	1.374.500	13.745.000.000	1.374.500	13.745.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		7.000.000.000		7.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê</i>			69.000	759.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng – Kratie</i>	300.000	3.300.000.000	300.000	3.300.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn</i>	210.000	2.100.000.000	210.000	2.100.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà^(*)</i>	100.000	1.100.000.000	100.000	1.100.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung</i>	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		20.745.000.000		21.504.000.000

(*) Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này để làm căn cứ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	-	803.082.441
<i>Cty TNHH Simco Sông Đà</i>		803.082.441
Dự phòng khoản lỗ của các khoản đầu tư khác	7.886.656.292	50.806.292
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>	4.535.850.000	
<i>Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng - Kratie</i>	3.300.000.000	
<i>Công ty Cổ Phần Sông Đà Miền Trung</i>	50.806.292	50.806.292
Cộng	7.886.656.292	853.888.733

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	853.888.733	12.036.690.038
Trích lập dự phòng bổ sung	7.835.850.000	
Hoàn nhập dự phòng		(347.219.930)
Thanh lý khoản dự phòng	(803.082.441)	
Giảm do hợp nhất		(10.835.581.375)
Số cuối năm	<u>7.886.656.292</u>	<u>853.888.733</u>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí CCDC	1.230.288.421	9.966.963	798.558.474	441.696.910
Chi phí sửa chữa	89.929.447	172.701.000	35.212.664	227.417.783
Chi phí khác	-	47.500.000	5.937.500	41.562.500
Cộng	<u>1.320.217.868</u>	<u>230.167.963</u>	<u>839.708.638</u>	<u>710.677.193</u>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến Thuế TNDN tạm nộp 1% cho hoạt động chuyển nhượng Bất động sản. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	287.041.736	515.791.556
Số phát sinh		172.444.318
Số hoàn nhập	(287.041.736)	(401.194.138)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>287.041.736</u>

18. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các ngân hàng		
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nghệ An</i>	<i>11.992.290</i>	<i>11.947.400</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Thanh Hóa</i>	<i>33.592.100</i>	<i>33.592.100</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>6.897.978.000</i>	<i>5.411.456.000</i>
Cộng	<u>7.943.562.390</u>	<u>6.456.995.500</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay vốn Dự án Hà Tĩnh ^(*)	530.231.000	-
Vay vốn Dự án Myanmar ^(**)	6.174.100.000	-
Vay vốn cá nhân khác ^(***)	8.176.757.200	5.160.000.000
Tổng cộng	<u>14.881.088.200</u>	<u>5.160.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(^{*}) Vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần BIDV chi nhánh Hà Tây để thanh toán gói thầu thi công CD06 tại Dự án Hà Tĩnh, thời hạn 5 tháng, lãi suất 8,5%/năm.

(^{**}) Vay vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn 6 tháng, lãi suất 12%/năm.

(^{***}) Là các vay cá nhân theo hợp đồng huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất huy động do thỏa thuận giữa bên vay và bên đi vay phù hợp với lãi suất ngân hàng công bố từng thời điểm, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh khoản vay các như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do vốn hóa	Số trả lãi vay trong năm	Số cuối năm
Vay vốn DA Hà Tĩnh		530.231.000			530.231.000
Vay vốn DA Myanmar		6.174.100.000			6.174.100.000
Vay vốn cá nhân khác	5.160.000.000	10.184.970.000	21.757.200	7.189.970.000	8.176.757.200
Cộng	5.160.000.000	16.889.301.000	21.757.200	7.189.970.000	14.881.088.200

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán dự án Hà Tĩnh	5.189.167.015	4.536.238.415
Phải trả người bán dự án Vạn Phúc	516.339.320	493.844.320
Phải trả người bán khác	314.183.893	902.078.005
Phải trả người bán về Xây lắp	281.587.688	917.911.000
Cộng	6.301.277.916	6.850.071.740

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước tiền nhà Dự án đất 15% Vạn Phúc		18.062.500.000
Tiền ứng trước của Dự án Hà Tĩnh	4.292.828.993	5.217.940.263
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.119.070.280	150.000.000
Cộng	5.411.899.273	23.430.440.263

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	395.161.262	837.257.538	1.232.418.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.239.834.030	828.045.251	2.465.191.293	602.687.988
Thuế thu nhập cá nhân	13.149.273	226.287.972	228.437.111	11.000.134
Thuế nhà đất	7.106.683.301	730.488.449	7.577.768.320	259.403.430
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	9.754.827.866	2.627.079.210	11.508.815.524	873.091.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xuất khẩu lao động	0%
Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.897.613.083	7.416.591.862
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(3.368.649.453)	(1.479.109.386)
Thù lao HDQT	70.800.000	66.624.000
Phạt hành chính	1.294.232.598	25.000.000
Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	115.439.492	
Dự phòng công ty liên kết	129.249.439	(7.332.717.405)
Lãi lỗ công ty liên kết	(4.978.370.982)	5.761.984.019
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>5.528.963.630</u>	<u>5.937.482.476</u>
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh Bất động sản	2.915.408.823	9.021.062.508
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	2.613.554.807	(3.083.580.032)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<u>1.216.371.999</u>	<u>2.255.265.627</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước</i>	<u>(101.285.012)</u>	<u>2.039.250</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<u>1.115.086.987</u>	<u>2.257.304.877</u>
<i>Thuê TNDN tạm nộp cho hoạt động bất động sản</i>	<u>(287.041.736)</u>	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>828.045.251</u>	<u>2.257.304.877</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thù lao HĐQT	288.000.000	223.350.000
Chi phí thẩm tra quyết toán VĐT	124.348.434	124.348.434
TKBV thi công đường dây & TBA	32.162.824	32.162.824
Chi phí xuất khẩu lao động	728.631.609	-
Dự phòng phí dự án Vạn Phúc	244.166.284	-
Chi phí lãi vay	17.062.900	33.797.200
Chi phí phải trả khác	209.503.205	295.846.940
Cộng	<u>1.643.875.256</u>	<u>709.505.398</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	407.082.154	462.486.892
Bảo hiểm xã hội	1.284.861.723	1.476.962.001
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	883.699.695
Phải trả của hoạt động Xuất khẩu lao động	5.266.949.656	7.743.187.032
Chi phí nhân công thuê ngoài	-	1.214.345.635
Nhận ủy thác đầu tư của CBNV	-	7.370.000.000
Tiền góp vốn dự án Myanmar	-	9.993.511.185
Các khoản phải trả dự án Myanmar	1.875.955.071	9.071.913.461
Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà	775.000.000	1.022.381.520
Cổ tức chưa chi	17.034.235.140	-
Phải trả CBNV tiền chi quá tạm ứng	539.124.397	490.068.600
Các quỹ hỗ trợ CBNV	224.377.520	292.421.560
Các khoản phải trả khác	2.256.088.877	445.408.477
Cộng	<u>29.674.129.538</u>	<u>40.466.386.058</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Là quỹ phúc lợi

	<u>Năm nay</u>
Tặng do trích lập từ lợi nhuận	1.400.000.000
Chi quỹ trong năm	(1.149.593.428)
Số cuối năm	<u>250.406.572</u>

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.780.305.807	2.619.153.519
Phải trả tiền nhận góp vốn đầu tư	52.964.725.607	-
Số cuối năm	<u>55.745.031.414</u>	<u>2.619.153.519</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(*)	22.213.041.434	-
Nợ dài hạn ^(**)	18.176.348.999	20.278.574.699
Cộng	<u>40.389.390.433</u>	<u>20.278.574.699</u>

(*) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/BIDV-Mysico ngày 26/12/2013. Giá trị hợp đồng 3.000.000USD, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất được xác định tối thiểu bằng lãi suất tham chiếu và 5%/ năm nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay theo quy định.

(**) Là các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn với các cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng với lãi suất theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6, bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng do lãi nhập gốc</u>	<u>Số trả lãi vay trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngân hàng	-	22.213.041.434	-	-	22.213.041.434
Nợ cá nhân dài hạn	20.278.574.699	-	1.596.514.600	3.698.740.300	18.176.348.999
Cộng	<u>20.278.574.699</u>	<u>22.213.041.434</u>	<u>1.596.514.600</u>	<u>3.698.740.300</u>	<u>40.389.390.433</u>

28. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí dịch vụ Xuất khẩu lao động	16.313.855.612	12.823.893.934
Nhận trước tiền bán nhà dự án đất 15% Vạn Phúc		11.459.741.818
Phí dịch vụ đào tạo	187.355.819	98.478.638
Cộng	<u>16.501.211.431</u>	<u>24.382.114.390</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	131.034.260.000	(1.682.000)	(13.242.500)	31.760.058.963	13.011.857.996	14.144.880.951	190.691.118.399
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.161.326.235	5.161.326.235
Lợi nhuận lũy kế các năm trước do hợp nhất Công ty liên kết	-	-	-	-	-	922.388.909	922.388.909
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	-	53.575.787	-	-	-	53.575.787
Số dư cuối năm trước	131.034.260.000	(1.682.000)	40.333.287	31.760.058.963	13.011.857.996	20.983.581.084	196.828.409.330
Số dư đầu năm nay	131.034.260.000	(1.682.000)	40.333.287	31.760.058.963	13.011.857.996	20.983.581.084	196.828.409.330
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.681.241.083	7.681.241.083
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	132.246.848	-	(1.532.246.848)	(1.400.000.000)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(17.034.235.140)	(17.034.235.140)
Điều chỉnh thuế TNDN theo KTNN	-	-	-	-	-	101.285.012	101.285.012
Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	3.736.036.269	-	-	-	3.736.036.269
Lợi nhuận lũy kế các năm trước do hợp nhất Công ty liên kết	-	-	-	-	-	703.913.529	703.913.529
Số dư cuối năm	131.034.260.000	(1.682.000)	3.776.369.556	31.892.305.811	13.011.857.996	10.903.538.720	190.616.650.083

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	66.830.400.000	66.830.400.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.203.860.000	64.203.860.000
Cổ phiếu quỹ	(1.682.000)	(1.682.000)
Cộng	<u>131.032.578.000</u>	<u>131.032.578.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.426	13.103.426
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.103.426	13.103.426
- Cổ phiếu phổ thông	13.103.426	13.103.426
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.258	13.103.258
- Cổ phiếu phổ thông	13.103.258	13.103.258
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

30. Nguồn kinh phí

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	(91.430.000)	(148.260.000)
Nguồn kinh phí được cấp	91.610.000	2.799.632.000
Chi sự nghiệp	-	(2.742.802.000)
Cộng	<u>180.000</u>	<u>(91.430.000)</u>

31. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	77.290.907	134.069.088
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Số khấu hao	(53.990.664)	(56.778.181)
Cộng	<u>23.300.243</u>	<u>77.290.907</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	75.243.128.074	95.637.060.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.976.689.464	27.878.611.604
<i>Dịch vụ xuất khẩu lao động</i>	30.602.061.820	23.286.521.657
<i>Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác</i>	5.374.627.644	4.592.089.947
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	36.657.647.632	63.342.065.999
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.608.790.978	4.416.383.345
Các khoản giảm trừ doanh thu:	344.526.390	399.187.458
- <i>Hàng bán trả lại</i>	344.526.390	399.187.458
Doanh thu thuần	<u>74.898.601.684</u>	<u>95.237.873.490</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	35.700.009.275	27.479.424.146
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	36.657.647.632	63.342.065.999
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	2.540.944.777	4.416.383.345

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.783.879.811	20.205.576.257
<i>Dịch vụ Xuất khẩu lao động</i>	19.975.123.346	14.403.237.591
<i>Các dịch vụ khác</i>	2.808.756.465	5.802.338.666
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	28.910.175.525	45.970.496.882
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.924.438.202	3.763.822.303
Cộng	<u>53.618.493.538</u>	<u>69.939.895.442</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	51.119.160	167.005.542
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	541.583.528	838.245.787
Lãi cho vay	-	1.620.907.801
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	342.437.724	23.871.711
Lãi chậm nộp	-	11.754.194
Cộng	<u>935.140.412</u>	<u>2.661.785.035</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.115.543.769	2.461.890.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.534.672	228.754.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	91.419.945
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	7.835.850.000	(347.219.930)
Lỗ thanh lý đầu tư	116.917.559	-
Chi phí tài chính khác	6.778.375	-
Phí ủy thác đầu tư	62.727.273	-
Cộng	<u>10.245.351.648</u>	<u>2.434.845.011</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.180.970.874	7.116.640.448
Chi phí vật liệu quản lý	291.773.612	859.151.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.614.775	99.686.750
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.948.963	334.969.954
Thuế, phí và lệ phí	275.366.845	86.407.315
Chi phí dự phòng	395.270.844	621.640.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.867.395.704	1.464.674.608
Chi phí bằng tiền khác	1.427.547.933	1.972.220.456
Cộng	<u>13.146.889.550</u>	<u>12.555.392.368</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.220.674.916	43.160.136
Xử lý nợ phải trả quá hạn	873.244.695	-
Thu nhập khác	296.861.026	190.890.041
Cộng	<u>6.390.780.637</u>	<u>234.050.177</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	-	25.000.000
Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm	366.974.658	-
Phạt chậm nộp tiền quỹ đất 15 %- Vạn phúc	927.257.940	-
Chi phí khác	313.298	-
Cộng	<u>1.294.545.896</u>	<u>25.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.681.241.083	5.161.326.235
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.681.241.083	5.161.326.235
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.103.426	13.103.426
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	586	394

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.103.258	13.103.258
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.103.258	13.103.258

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.148.525.080	1.337.490.950
Thù lao	525.600.000	487.440.000
Cộng	1.674.125.080	1.824.930.950

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	Thành viên tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Thành viên tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển		
Cung cấp dịch vụ cho Simco Sông Đà		61.696.437
Vay công ty Simco Sông Đà	147.125.000	769.130.000
Simco Sông Đà Hỗ trợ vốn		285.980.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa		
Gốc và lãi vay phải trả Simco Sông Đà	2.598.203.933	1.620.907.801
Chuyển trả tiền vay cho Simco Sông Đà		7.900.000.000
Chuyển trả tiền ủy thác đầu tư về cho Cán bộ nhân viên	1.620.000.000	
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà		
Simco Sông Đà cung cấp dịch vụ thuê văn phòng	318.230.247	419.360.475
Cung cấp thiết bị cho Simco Sông Đà		293.882.445

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển		
Phải thu tiền gốc và lãi vay	8.085.230.611	7.938.105.611
Phải thu về khối lượng xây lắp	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu tiền hỗ trợ vốn		38.850.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđoa		
Phải thu tiền gốc và lãi vay	-	2.598.203.933
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà		
Phải thu về phí dịch vụ đã cung cấp	737.688.043	456.448.525
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà		
Tiền chuyển nhượng vốn	310.000.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 27		
Ứng trước chi phí dự án	1.400.000.000	1.400.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>12.509.272.876</u>	<u>16.712.980.601</u>
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà		
Phải trả về thiết bị cung cấp		323.270.690

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 27		
Phải trả về khối lượng xây lắp hoàn thành	1.399.620.100	1.111.711.100
Cộng nợ phải trả	1.399.620.100	1.434.981.790

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Xuất khẩu lao động: Cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp: Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, bán biệt thự, căn hộ liền kề.
- Lĩnh vực kinh doanh khác: Cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dạy học, các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</u>	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</u>	<u>Kinh doanh khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.325.381.631	39.198.592.409	5.374.627.644	74.898.601.684
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.325.381.631	39.198.592.409	5.374.627.644	74.898.601.684
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.350.258.285	8.363.978.682	2.565.871.179	21.280.108.146
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(13.146.889.550)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.133.218.596
Doanh thu hoạt động tài chính				935.140.412
Chi phí tài chính				(10.245.351.648)
Thu nhập khác				6.390.780.637
Chi phí khác				(1.294.545.896)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				4.978.370.982
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.216.371.999)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.681.241.083

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp	Kinh doanh khác	Cộng
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>21.844.563.253</u>	<u>28.236.285.424</u>	<u>57.511.535.019</u>	<u>53.952.404.028</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>702.650.562</u>	<u>908.246.212</u>	<u>1.300.965.233</u>	<u>2.911.862.008</u>
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22.887.334.199	67.758.449.344	4.592.089.947	95.237.873.490
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>22.887.334.199</u>	<u>67.758.449.344</u>	<u>4.592.089.947</u>	<u>95.237.873.490</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.252.876.360	18.024.130.159	(7.979.028.471)	25.297.978.048
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.555.392.368)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.742.585.680
Doanh thu hoạt động tài chính				2.661.785.035
Chi phí tài chính				(2.434.845.011)
Thu nhập khác				234.050.177
Chi phí khác				(25.000.000)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(5.761.984.019)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.255.265.627)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>5.161.326.235</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>906.456.558</u>	<u>2.683.584.303</u>	<u>181.870.462</u>	<u>3.771.911.323</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.105.430.298	97.660.086.960	43.644.209.596	142.409.726.854
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.867.069.718	2.634.657.601	334.507.799	4.611.348.764
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				218.946.803.771
<i>Tổng tài sản</i>				<u>365.967.879.389</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
	24.287.618.368	12.180.600.558	25.692.036.549	62.160.255.475

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động</u>	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp</u>	<u>Kinh doanh dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				113.167.493.588
Tổng nợ phải trả				175.327.749.063
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.024.474.014	135.127.324.237	1.136.654.559	141.288.452.810
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				113.167.493.588
Tổng tài sản				175.327.749.063
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phần	36.024.474.014	53.141.258.340	1.310.556.643	90.476.288.997
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				47.597.662.054
Tổng nợ phải trả				138.073.951.051

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.484.473.360	-	-	-	8.484.473.360
Phải thu khách hàng	5.127.155.556	-	-	151.569.733	5.278.725.289
Các khoản cho vay	4.607.479.956	-	-	3.877.750.655	8.485.230.611
Các khoản phải thu khác	1.970.931.727	-	-	38.850.240	2.009.781.967
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.700.000.000	17.045.000.000	-	-	20.745.000.000
Cộng	23.890.040.599	17.045.000.000	-	4.068.170.628	45.003.211.227

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	6.041.355.111	-	-	-	6.041.355.111
Phải thu khách hàng	3.862.548.091	-	-	2.153.423.955	6.015.972.046
Các khoản cho vay	6.658.558.889	-	-	3.877.750.655	10.536.309.544
Các khoản phải thu khác	18.205.917.778	-	-	-	18.205.917.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.004.000.000	500.000.000	-	-	21.504.000.000
Cộng	55.767.779.869	500.000.000	-	6.035.774.610	62.303.554.479

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	14.881.088.200	40.389.390.433	-	55.270.478.633
Phải trả người bán	6.301.277.916	-	-	6.301.277.916
Các khoản phải trả khác	8.847.617.930	55.745.031.414	-	64.592.649.344
Cộng	30.029.984.046	96.134.421.847	-	126.164.405.893

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	5.160.000.000	20.278.574.699	-	25.438.574.699
Phải trả người bán	6.850.071.740	-	-	6.850.071.740
Các khoản phải trả khác	10.804.182.122	2.619.153.519	-	13.423.335.641
Cộng	22.814.253.862	22.897.728.218	-	45.711.982.080

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>JPY</u>	<u>USD</u>	<u>JPY</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.520,90	4.151.988	22.913,67	7.551.988,00

Do số dư tài sản có gốc ngoại tệ nhỏ, nên ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ đến lợi nhuận của công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Simco, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.484.473.360	-	6.041.355.111	-	8.484.473.360	6.041.355.111
Phải thu khách hàng	5.278.725.289	(1.565.117.688)	6.015.972.046	(1.169.846.844)	3.713.607.601	4.846.125.202
Các khoản cho vay	8.485.230.611	(3.397.750.655)	10.536.309.544	(3.397.750.655)	5.087.479.956	7.138.558.889
Các khoản phải thu khác	2.009.781.967	-	18.205.917.778	-	2.009.781.967	18.205.917.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.745.000.000	(4.586.656.292)	21.504.000.000	(50.806.292)	16.158.343.708	21.453.193.708
Cộng	45.003.211.227	(9.549.524.635)	62.303.554.479	(4.618.403.791)	35.453.686.592	57.685.150.688

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	55.270.478.633	25.438.574.699	55.270.478.633	5.160.000.000
Phải trả người bán	6.301.277.916	6.850.071.740	6.301.277.916	6.850.071.740
Các khoản phải trả khác	64.592.649.344	3.328.658.917	64.592.649.344	709.505.398
Cộng	126.164.405.893	35.617.305.356	126.164.405.893	12.719.577.138

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Người lập biểu

Phạm Thị Đà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hiếu

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Mỹ